

Tầng vật lý (Physical Layer)

Mục đích

- Chương này nhằm giới thiệu những nội dung cơ bản sau:
 - Giới thiệu mô hình của một hệ thống truyền dữ liệu đơn giản và các vấn đề có liên quan đến trong một hệ thống truyền dữ liệu sử dụng máy tính
 - Giới thiệu các phương pháp số hóa thông tin
 - Giới thiệu về đặc điểm kênh truyền, tính năng kỹ thuật của các loại cáp truyền dữ liệu
 - Giới thiệu các hình thức mã hóa dữ liệu số để truyền tải trên đường truyền

Yêu cầu

- Sau khi học xong chương này, người học phải có được những khả năng sau:
 - Liệt kê được những vấn đề cơ bản có liên quan đến một hệ thống truyền dữ liệu
 - Mô tả được các hình thức số hóa thông tin
 - Phân biệt và tính toán được các đại lượng liên quan đến đặc tính của một kênh truyền như: Băng thông, tần số biến điệu, tốc độ dữ liệu, nhiễu, dung lượng và giao thông của một kênh truyền
 - Mã hóa được dữ liệu số nhờ vào các tín hiệu số và tuần tự theo các kỹ thuật khác nhau.

Mô hình truyền dữ liệu cơ bản



- Các vấn đề phải quan tâm:
 - Cách thức mã hóa thông tin thành dữ liệu số.
 - Các loại kênh truyền dẫn có thể sử dụng để truyền tin.
 - Sơ đồ nối kết các thiết bị truyền và nhận lại với nhau.
 - Cách thức truyền tải các bits từ thiết bị truyền sang thiết bị nhận.

Số hóa dữ liệu

Vấn đề số hóa dữ liệu



Lời nói :

Hệ thống : điện thoại

Bộ mã hóa : micro

Bộ giải mã : Loa

Truyền tải : tín hiệu tuần tự hay tín hiệu số

Ảnh tĩnh :

Hệ thống: fax

Bộ mã hóa : scanner

Bộ giải mã : Bộ thông dịch tập tin

Truyền tải : Tín hiệu tuần tự hoặc tín hiệu số.

Dữ liệu tin học :

Hệ thống : mạng truyền tin.

Bộ mã hóa : Bộ điều khiển truyền thông.

Bộ giải mã: Bộ điều khiển truyền thông

Truyền tải : Tín hiệu tuần tự hoặc tín hiệu số.

Truyền hình :

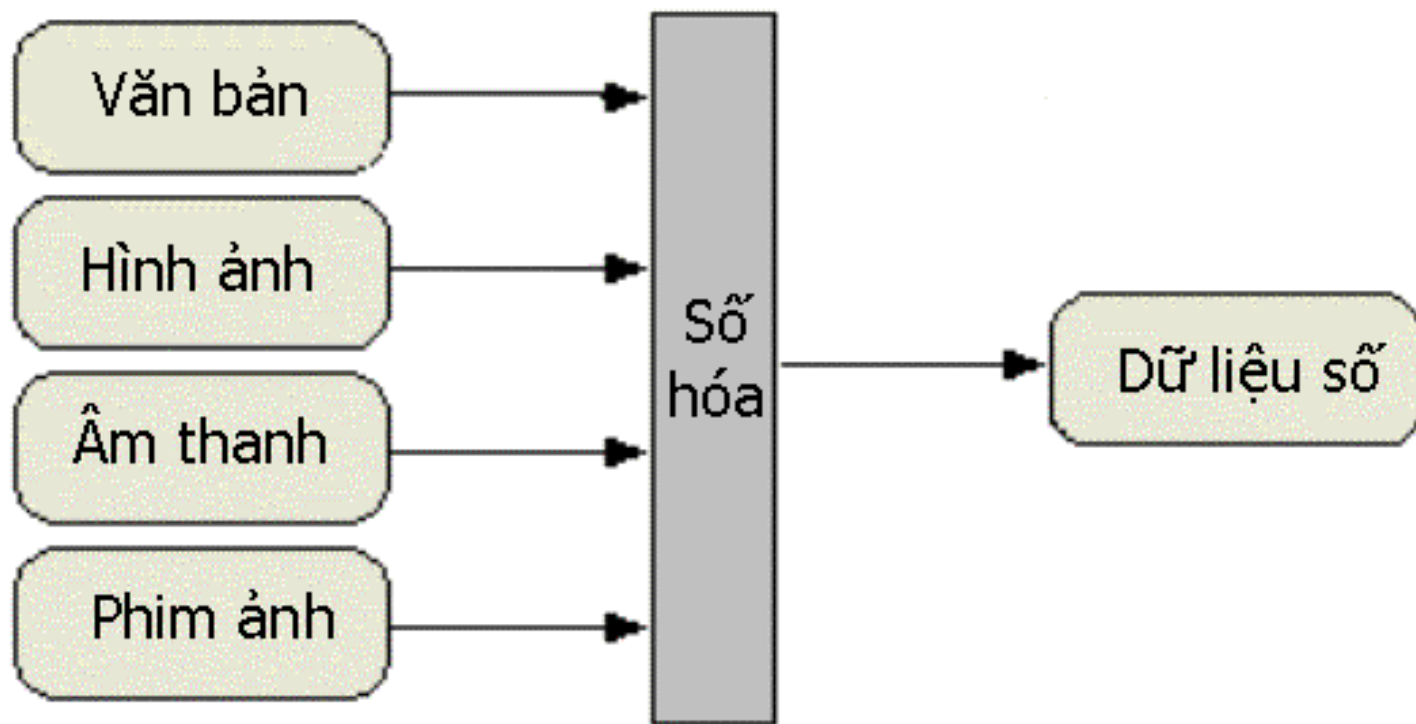
Hệ thống : truyền quảng bá

Bộ mã hóa : camera

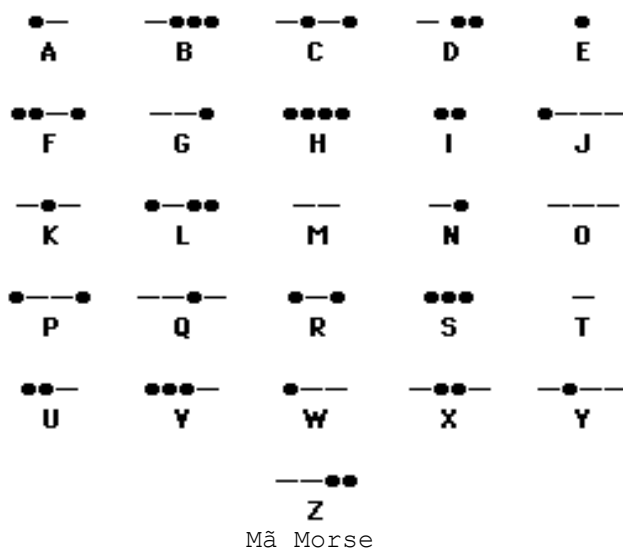
Bộ giải mã : bộ thu TV + antenne

Truyền tải : Tín hiệu tuần tự hoặc tín hiệu số.

Mô hình số hóa dữ liệu



Số hóa văn bản

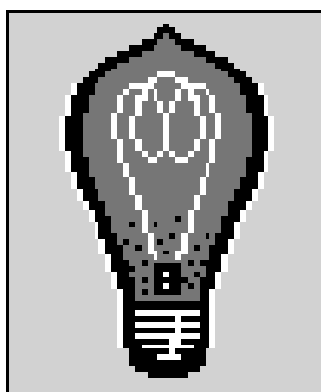


	poids forts							
	000	001	010	011	100	101	110	111
0000	NUL	DLE	SP	0	@	P	\	p
0001	SOH	DC1	!	1	A	Q	a	q
0010	STX	DC2	"	2	B	R	b	r
0011	ETX	DC3	#	3	C	S	c	s
0100	EOT	DC4	\$	4	D	T	d	t
0101	ENQ	NAK	%	5	E	U	e	u
0110	ACK	SYN	&	6	F	V	f	v
0111	BEL	ETB	,	7	G	W	g	w
1000	BS	CAN	(8	H	X	h	x
1001	HT	EM)	9	I	Y	i	y
1010	LF	SUB	*	:	J	Z	j	z
1011	VT	ESC	+	;	K	[k	{
1100	FF	FS	'	<	L	Ç	l	ù
1101	CR	GS	-	=	M]	m	}
1110	SO	RS	.	>	N	↑	n	≈
1111	SI	US	/	?	O	<--	o	DEL

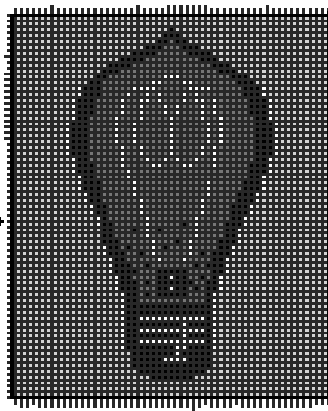
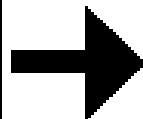
code ASCII

- Bảng mã 8 bits:
 - Mã ASCII (American Standard Code for Informatics Interchange) mở rộng
 - Mã EBCDIC (Extended Binary-Coded Decimal Interchange Code)
- Mã 16 bits : Mã Unicode

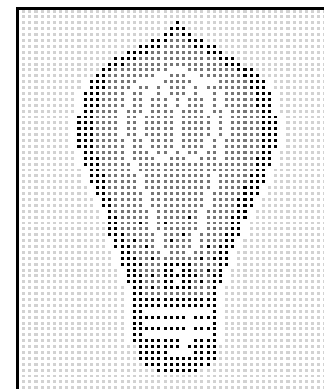
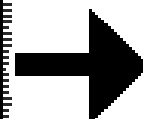
Số hóa hình ảnh tĩnh



Ảnh gốc



Ảnh 1 độ phân giải

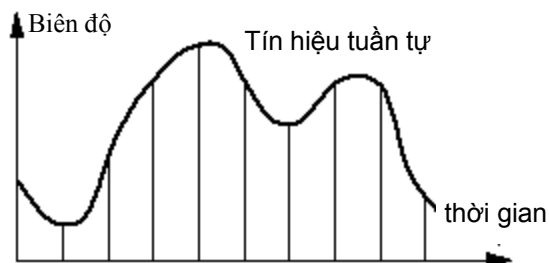


Ảnh đã số hóa

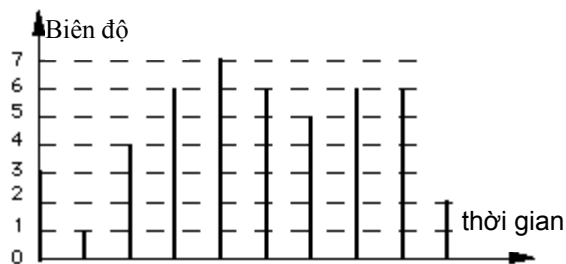
- Ảnh đen trắng : 0: đen, 1: trắng
- Ảnh 256 mức xám: 8 bits / điểm ảnh
- Ảnh màu: 1 điểm ảnh = $aR + bG + cB$

Số hóa âm thanh & phim ảnh

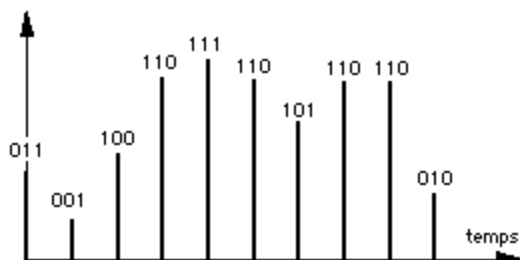
1. Lấy mẫu



2. Lượng hóa



3. Số hóa

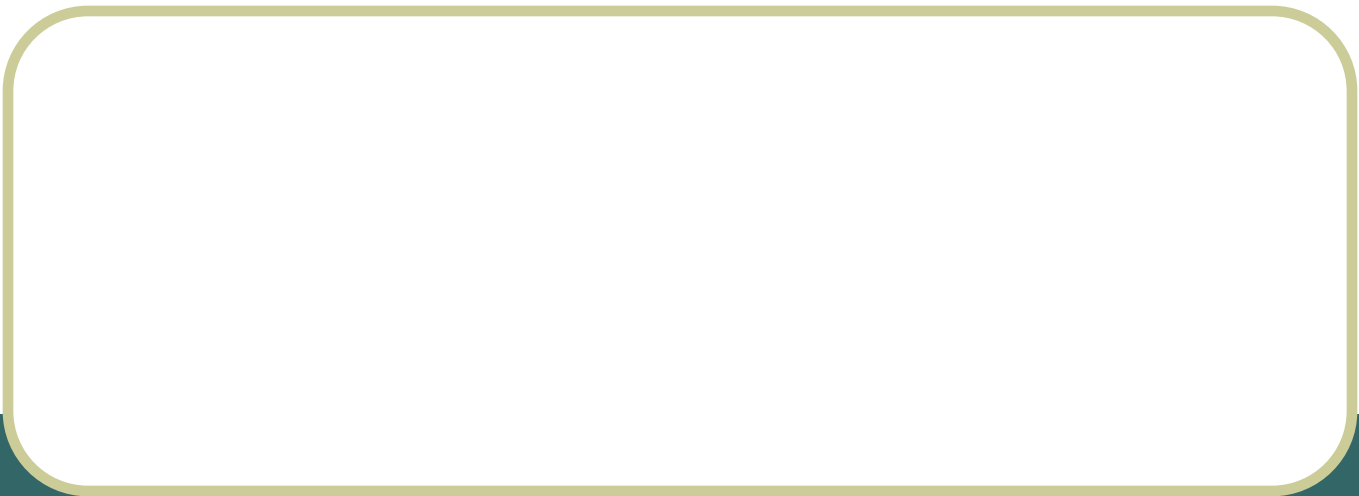


- Dung lượng tập tin nhận được phụ thuộc hoàn toàn vào tần số lấy mẫu f và số lượng bit dùng để mã hóa giá trị thang đo p (chiều dài mã cho mỗi giá trị).

Số hóa văn bản

- Bảng mã 8 bits:
 - Mã ASCII (American Standard Code for Informatics Interchange) mở rộng
 - Mã EBCDIC
- Mã 16 bits : Mã Unicode

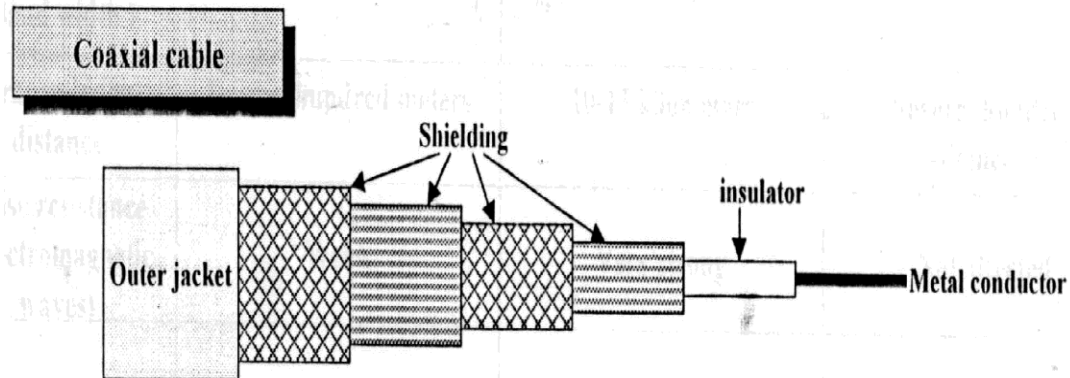
Kênh truyền



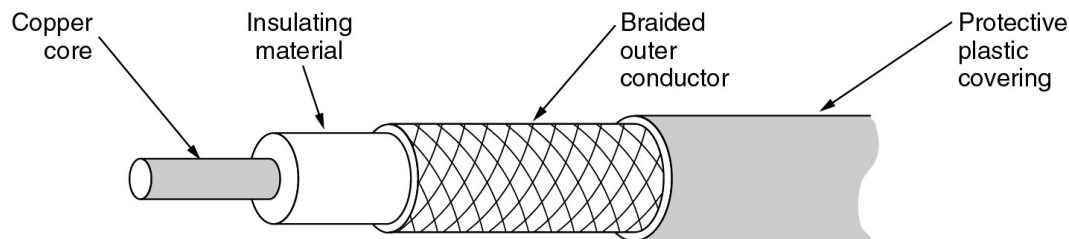
Kênh truyền hữu tuyến

- Sử dụng 3 loại cáp phổ biến:
 - Cáp xoắn đôi (twisted pair)
 - Cáp đồng trục (coax)
 - Cáp quang (fiber optic).
- Các yếu tố chọn lựa:
 - Giá thành
 - Khoảng cách
 - Số lượng máy tính
 - Tốc độ yêu cầu
 - Băng thông

Cáp đồng trục (Coaxial Cable)



Thick coaxial cable (RG11)

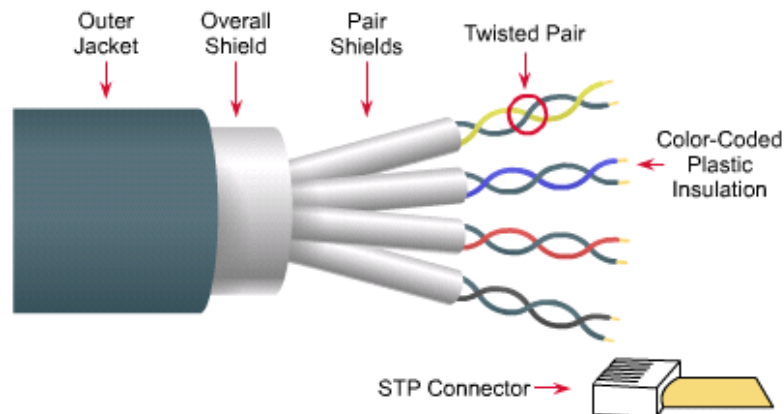


Thin coaxial cable (RG58)

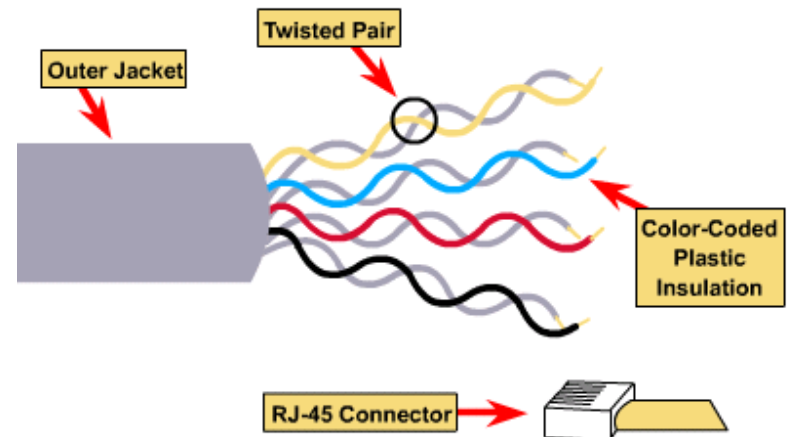


Cáp xoắn đôi (Twisted – paire cable)

STP (Shielded Twisted Pair)



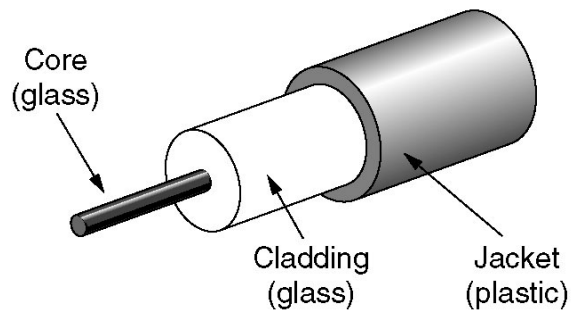
Unshielded Twisted Pair (UTP)



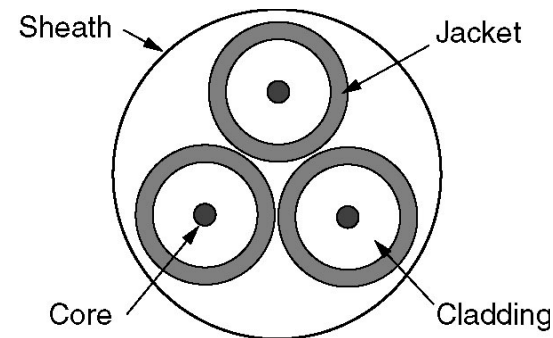
Cáp xoắn đôi (Twisted – paire cable)

- CAT 1, 2: 1Mbps (Telephone)
- CAT 3: 10Mbps (10BaseT)
- CAT 5: 100MBps (100BaseT)
- CAT 5E,6: 1000MBps (1000 BaseT)

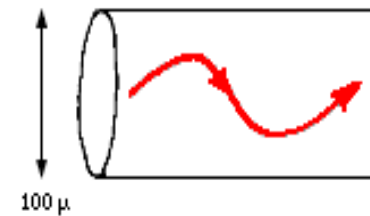
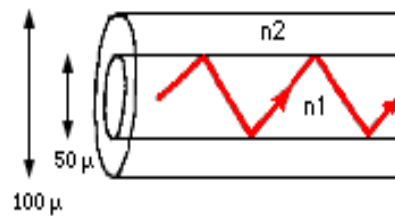
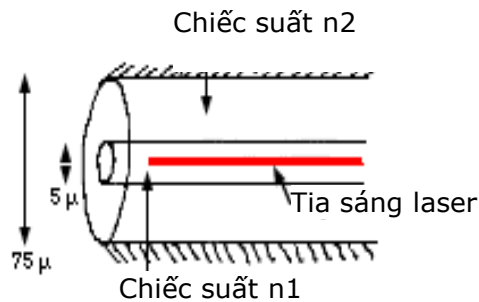
Cáp quang (Fiber optic cable)



(a)



(b)

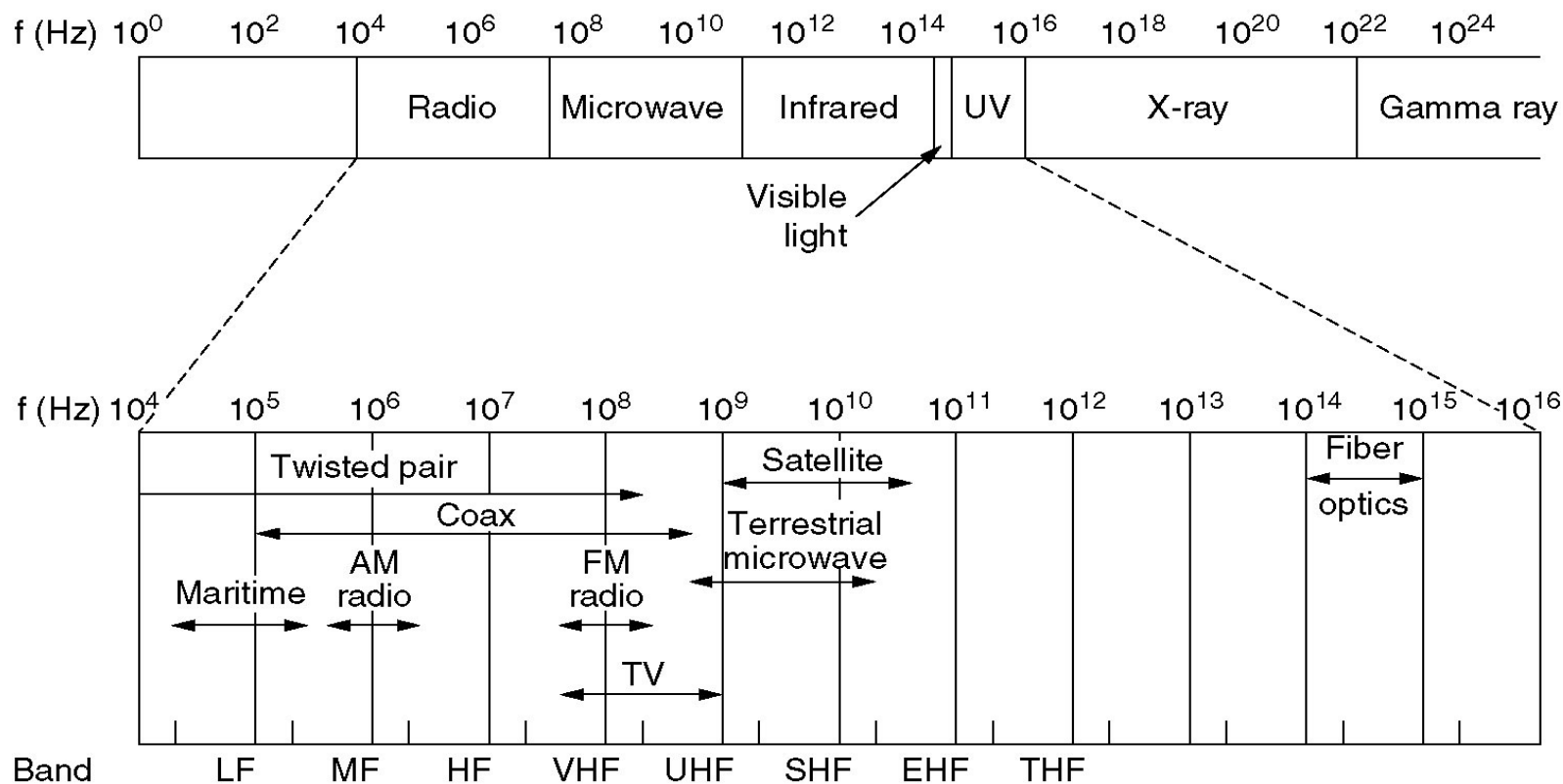


1. Cáp quang chế độ đơn - 2. chế độ đa không thấm thấu
- 3. chế độ đa thấm thấu

Kênh truyền vô tuyến

- c là tốc độ ánh sáng,
- f là tần số của tín hiệu sóng
- λ là độ dài sóng. Khi đó ta có
- $c = \lambda f$

Kênh truyền vô tuyến

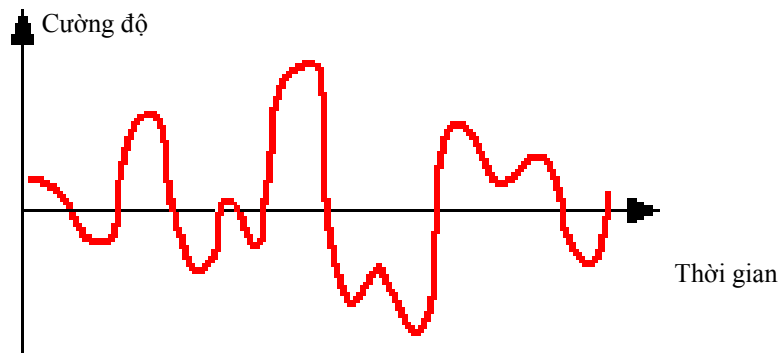


Tín hiệu tuần tự & Tín hiệu số

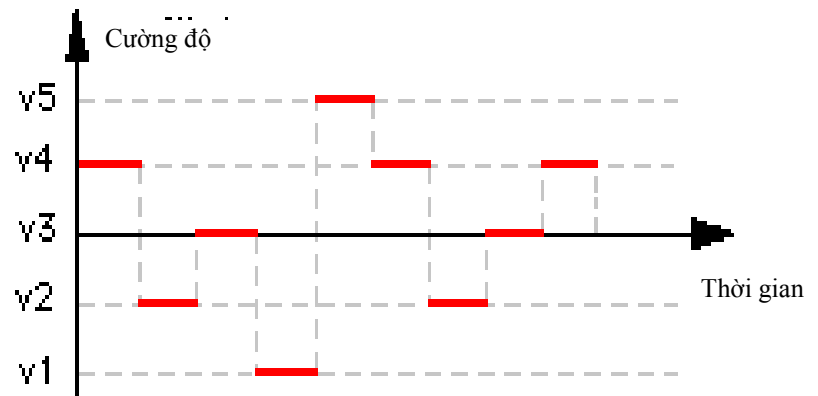


- Dữ liệu (các bits 0, 1) được truyền từ thiết bị truyền sang thiết bị nhận bằng các tín hiệu tuần tự hay tín hiệu số

Tín hiệu tuần tự & Tín hiệu số



Tín hiệu tuần tự



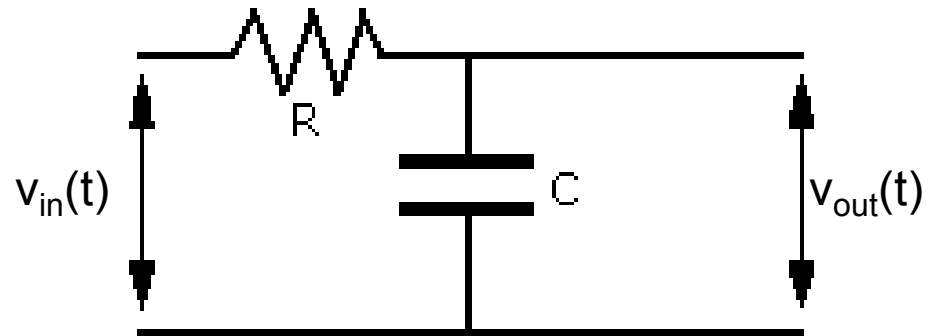
Tín hiệu số

Tín hiệu dạng sóng hình sin

- Sóng dạng hình sin, không kết thúc hoặc suy giảm sau một khoảng thời gian là dạng tín hiệu tuần tự đơn giản nhất, dễ dàng tạo ra được.
- **Bất kỳ một dạng tín hiệu nào cũng có thể được biểu diễn lại bằng các sóng hình sin.**
- Yếu tố này được rút ra từ một nghiên cứu cụ thể nó cho phép chúng ta có thể định nghĩa một vài đặc điểm của kênh truyền vật lý.

Đặc điểm kênh truyền

- Mô hình hóa một kênh truyền



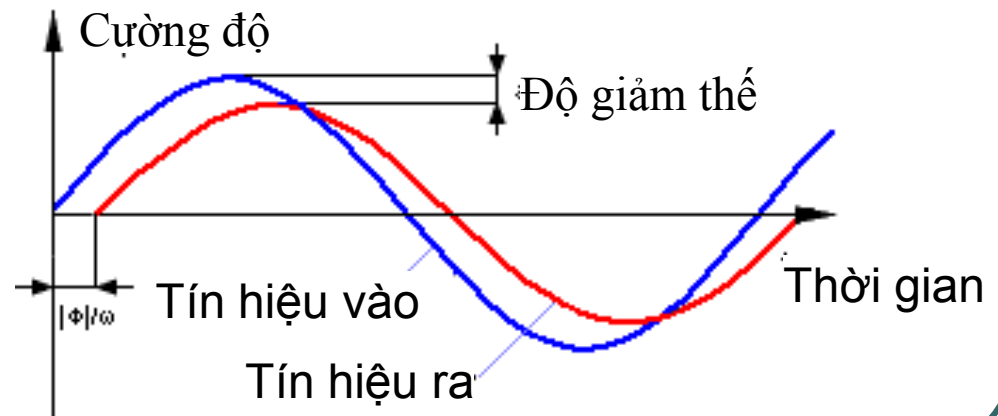
- $v_{in}(t) = V_{in} \sin wt$
 - V_{in} : là hiệu điện thế cực đại ngõ vào
 - w : nhịp ; $f = w/2\pi$: là **tần số**;
 - $T = 2\pi/w = 1/f$: là **chu kỳ**.
- $v_{out}(t) = V_{out} \sin (wt + F)$
 - V_{out} : là hiệu điện thế cực đại ngõ ra
 - F : là độ trễ pha.

Đặc điểm kênh truyền

- Các luật trường điện từ chứng minh rằng trong trường hợp đơn giản nhất ta có:

- $V_{\text{out}}/V_{\text{in}} = (1 + R^2 C^2 \omega^2)^{-1/2}$

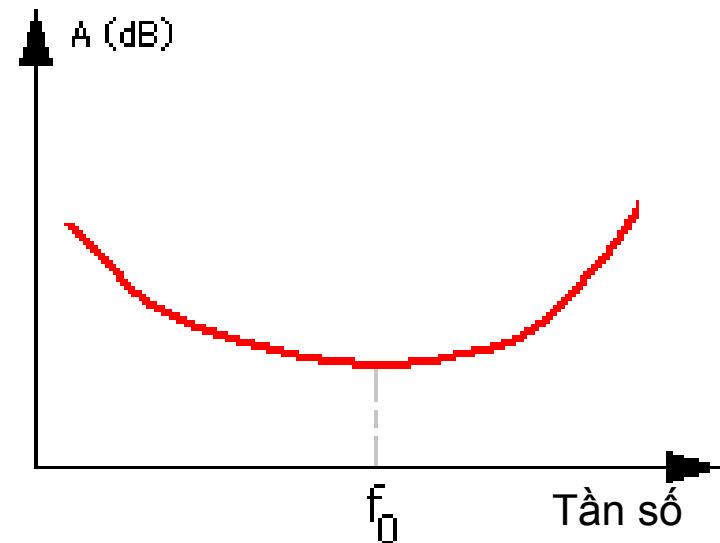
- $F = \text{atan}(-RC \omega)$



Đặc điểm kênh truyền

- Độ suy giảm trên kênh truyền = P_{in}/P_{out}
- Biểu diễn bằng đơn vị decibel:
 - $A(w) = 10 \log_{10}(P_{in}/P_{out})$

Độ suy giảm càng nhỏ khi tần số của sóng càng gần f_0

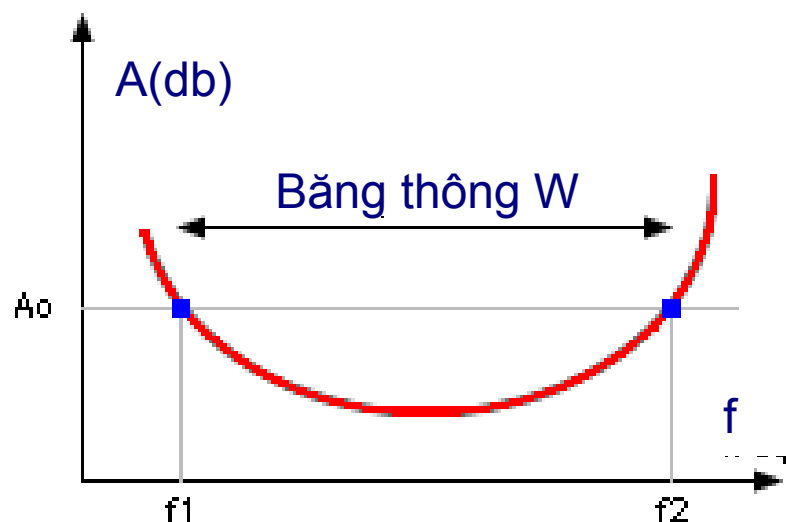


Truyền tín hiệu bất kỳ

- Lý thuyết toán Fourier đã chứng minh rằng bất kỳ một tín hiệu nào cũng có thể xem như được tạo thành từ một tổng của một số hữu hạn hoặc vô hạn các sóng hình sin. Không đi sâu vào chứng minh ta có kết quả sau:
 - Một tín hiệu bất kỳ $x(t)$ thì có thể phân tích thành một tập hợp các tín hiệu dạng sóng hình sin.
 - Nếu là tín hiệu tuần hoàn, thì ta có thể phân tích nó thành dạng một chuỗi Fourier. Thuật ngữ chuỗi ở đây ý muốn nói đến một loạt các sóng hình sin có **tần số** khác nhau như là các bội số của **tần số** tối ưu f_0 .
 - Nếu tín hiệu không là dạng tuần hoàn, thì ta có thể phân tích nó dưới dạng một bộ Fourier ; với các sóng hình sin có **tần số** rời rạc.

Băng thông kênh truyền (Bandwidth)

- A_0 : ngưỡng còn “nghe” được A_0 ,
 - Tất cả các tín hiệu hình sin có **tần số** nhỏ hơn f_1 được xem như bị mất.
 - Tất cả các tín hiệu có **tần số** lớn hơn f_2 cũng được xem là bị mất.
 - Những tín hiệu có thể nhận ra được ở bên nghe là các tín hiệu có **tần số** nằm giữa f_1 và f_2 . Khoảng **tần số** này được gọi là băng thông của một kênh truyền.

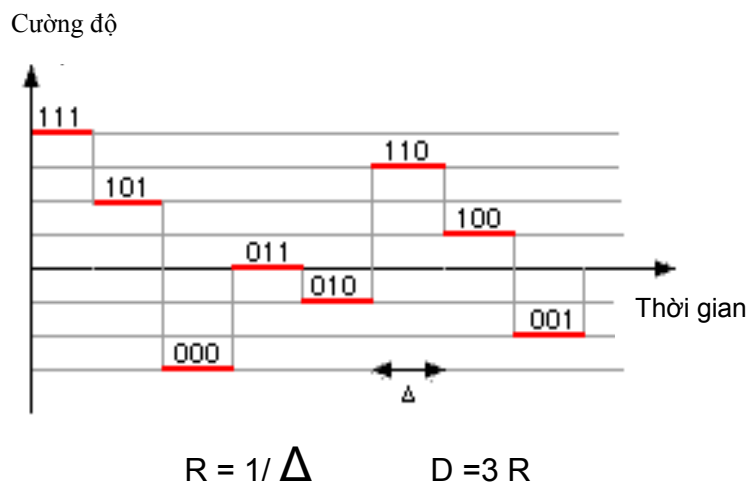
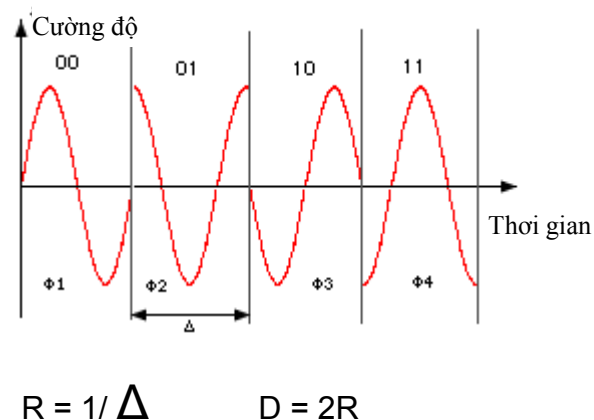
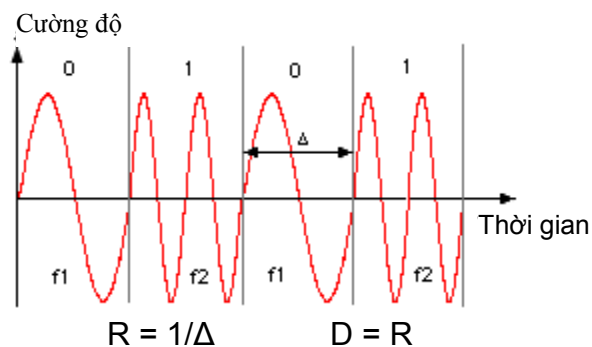


Ví dụ: Băng thông kênh truyền điện thoại là 3100 Hz vì các tín hiệu âm thanh có thể nghe được nằm ở khoảng **tần số** từ 300 Hz đến 3400 Hz

Tần số biến điệu và tốc độ dữ liệu (Baund rate and bit rate)

- Tần số biến điệu:
 - Nhịp đặt các tín hiệu lên kênh truyền
 - $R = 1/t$ (đơn vị là bauds),
 - t : độ dài thời gian của tín hiệu
- Mỗi tín hiệu chuyển tải n bit, khi đó ta có tốc độ bit được tính như sau:
 - $D = nR$ (đơn vị là bits/s)
 - Giá trị này thể hiện nhịp mà ta đưa các bit lên đường truyền
- Ví dụ : Cho hệ thống có
 - $R = 1200$ bauds và $D = 1200$ bits/s.
 - Ta suy ra một tín hiệu cơ bản chỉ chuyển tải một bit.

Một số ví dụ về tần số biến điệu và tốc độ dữ liệu

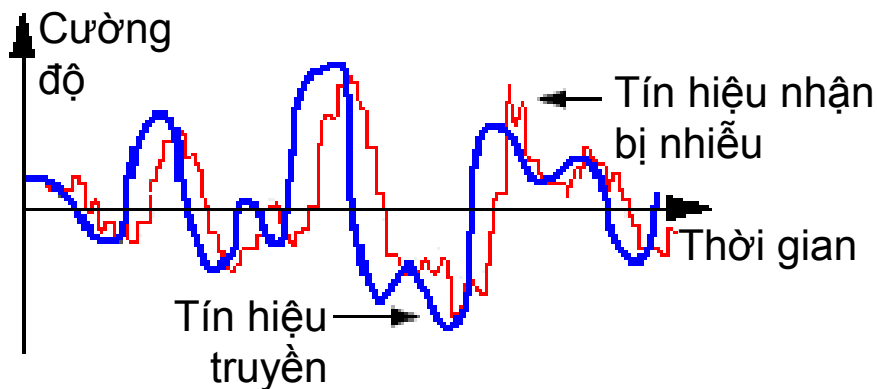


Tăng tốc độ truyền dữ liệu

- Vì $D = n R$
- Để tăng D :
 - Hoặc tăng n (số bit truyền tải bởi một tín hiệu), tuy nhiên nhiều là một rào cản quan trọng.
 - Hoặc R (tần số biến điệu), tuy nhiên chúng ta cũng không thể vượt qua tần số biến điệu cực đại R_{\max}
- Nyquist (1928):
 - Lý thuyết: $R_{\max} = 2 W$,
 - Thực tế thì $R_{\max} = 1,25 W$

Nhiều và khả năng kênh truyền

- Có 3 loại nhiễu
 - Nhiễu xác định: phụ thuộc vào đặc tính kênh truyền
 - Nhiễu không xác định
 - Nhiễu trắng từ sự chuyển động của các điện tử



Nhiều và khả năng kênh truyền

- Tỷ lệ giữa công suất tín hiệu và công suất nhiễu tính theo đơn vị decibels :
 - $S/B = 10\log_{10}(P_S(\text{Watt})/P_B(\text{Watt}))$
- Định lý Shannon (1948) xác định số bit tối đa có thể chuyên chở bởi một tín hiệu:

$$R_{\max} = \log_2 \sqrt{1 + \frac{P_S}{P_B}}$$

Khả năng của kênh truyền

- Kết hợp giữa Nyquist và Shannon:

$$C = D_{\max} = R_{\max} n_{\max} = 2W \log_2 \sqrt{1 + \frac{P_S}{P_B}} = W \log_2 \left[1 + \frac{P_S}{P_B} \right]$$

- C được gọi là khả năng của kênh truyền, xác định tốc độ bit tối đa có thể chấp nhận được bởi kênh truyền đó

Khả năng của kênh truyền

- Ví dụ : Kênh truyền điện thoại có
 - Độ rộng băng thông là $W = 3100$ Hz
 - Tỷ lệ $S/B = 20$ dB.
 - Hãy tính được khả năng của kênh truyền điện thoại $C = ?$

- Ta có:

$$C = D_{\max} = R_{\max} n_{\max} = 2W \log_2 \sqrt{1 + \frac{P_S}{P_B}} = W \log_2 \left[1 + \frac{P_S}{P_B} \right]$$

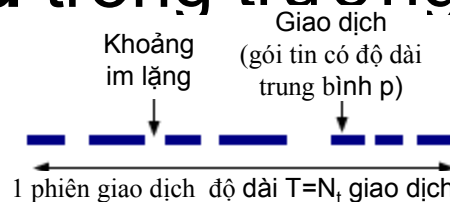
- Từ $S/B = 10 \log_{10}(P_S/P_B)$
- $\Rightarrow P_S/P_B = 10^{((S/B) / 10)} = 10^{((20) / 10)} = 10^2$
- $\Rightarrow C = W \log_2(1 + P_S/P_B) = 3100 * \log_2(1 + 100) = 20600$ b/s

Giao thông (Traffic)

- Giao thông là một khái niệm liên quan đến sự sử dụng một kênh truyền tin.
- Giao thông cho phép biết được mức độ sử dụng kênh truyền từ đó có thể chọn một kênh truyền phù hợp với mức độ sử dụng hiện tại.
- Một cuộc giao tiếp là một **phiên giao dịch** (session) với độ dài trung bình là T (giây)
- Cho N_c là số lượng phiên giao dịch trung bình trên một giờ
- Mật độ giao thông E được tính theo biểu thức sau :
 - $E = T N_c / 3600$
 - Đo mức độ sử dụng kênh truyền trong một giây

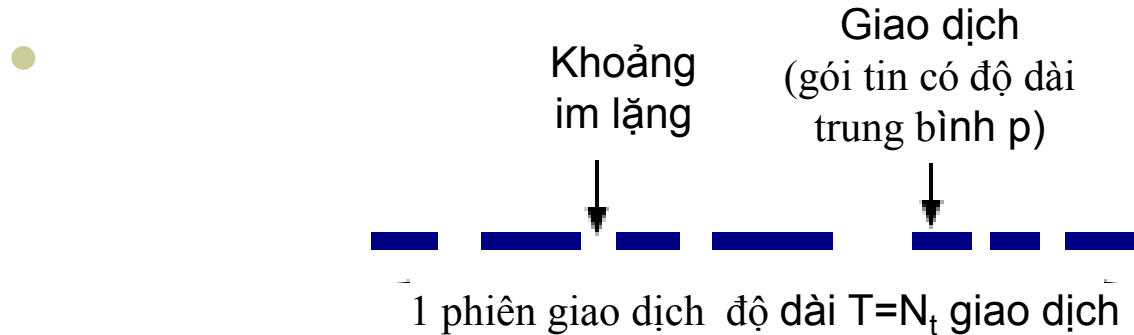
Giao thông (Traffic)

- Một **phiên giao dịch** thành nhiều **giao dịch** (transaction) với độ dài trung bình là p bit, cách khoảng nhau bởi những khoảng im lặng.
- Giả sử N_t là số giao dịch trung bình trong một phiên giao dịch.
- Gọi D là tốc độ bit của kênh truyền, tốc độ bit thật sự d trong trường hợp này là:



$$d = \frac{N_t p}{T}$$

Giao thông (Traffic)



- Gọi **D** là tốc độ bit của kênh truyền, tốc độ bit thật sự **d** trong trường hợp này là:

$$d = \frac{N_t p}{T}$$

- Tần suất sử dụng kênh truyền được định nghĩa bởi tỷ số:

$$\theta = \frac{d}{D}$$

Giao thông (Traffic)

- Ví dụ: Trong một tính toán khoa học từ xa, người dùng giao tiếp với máy tính trung tâm, cho :
 - $p = 900$ bits, $N_t = 200$, $T = 2700$ s, $N_c = 0.8$, $D = 1200$ b/s.
 - Khi đó
 - Mật độ giao thông trung bình là $E = 0.6$
 - Tần suất sử dụng kênh truyền $\theta = 0.05$

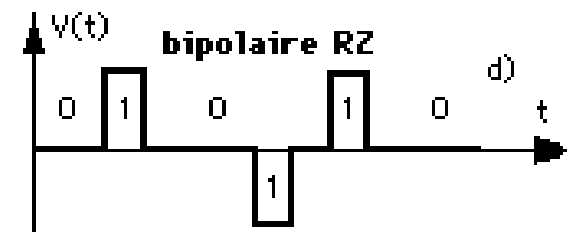
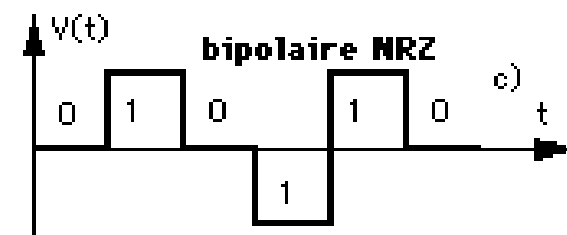
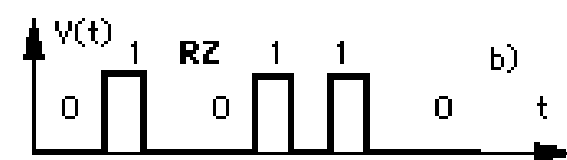
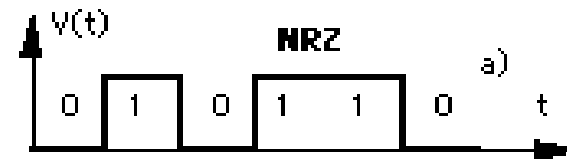
Mã hóa đường truyền (Line Coding)

Khái niệm

- Sau khi số hóa thông tin, vấn đề chúng ta phải quan tâm kế tiếp là cách truyền tải các bit “0” và “1”. Ta có thể sử dụng tín hiệu số hoặc tín hiệu tuần tự để truyền tải các bit “0”, “1”. Công việc này còn được gọi là mã hóa đường truyền (line coding).

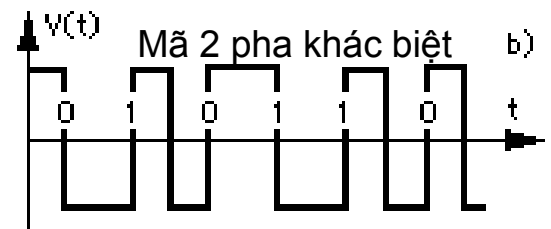
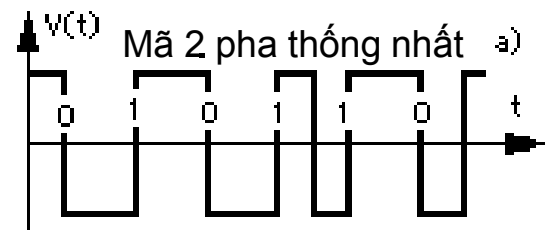
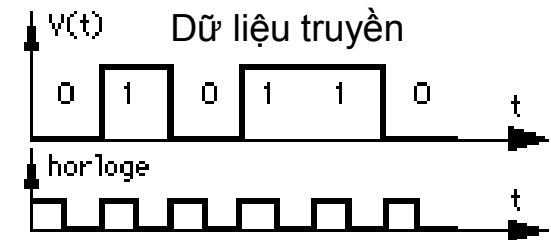
Mã hóa đường truyền bằng tín hiệu số

- a) NRZ : Điện thế mức 0 để thể hiện bit 0 và điện thế khác không V0 cho bit "1"
- b) RZ : Mỗi bit "1" được thể hiện bằng một chuyển đổi điện thế từ V0 về 0.
- c) Lưỡng cực NRZ : Các bit "1" được mã hóa bằng một điện thế dương, sau đó đến một điện thế âm và tiếp tục như thế.
- d) Lưỡng cực RZ : Mỗi bit "1" được thể hiện bằng một chuyển đổi từ điện thế khác không về điện thế không. Giá trị của điện thế khác không đầu tiên là dương sau đó là âm và tiếp tục chuyển đổi qua lại như thế



Mã hóa đường truyền bằng tín hiệu số

- Mã hóa hai pha (biphase):
 - a) Mã hai pha thống nhất đôi khi còn gọi là mã Manchester : bit "0" được thể hiện bởi một chuyển đổi từ tín hiệu dương về tín hiệu âm và ngược lại một bit "1" được thể hiện bằng một chuyển đổi từ tín hiệu âm về tín hiệu dương.
 - b) Mã hai pha khác biệt : nhảy một pha 0 để thể hiện bit 0 và nhảy một pha π để thể hiện bit "1".



Mã hóa đường truyền bằng tín hiệu tuần tự

- a) Sử dụng tín hiệu số theo mã NRZ
- b) Sử dụng biến điệu biên độ
- c) Sử dụng biến điệu tần số
- d) Sử dụng biến điệu pha
- e) Sử dụng biến điệu pha

